

Số: 1638/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung
đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc cho phép lập Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 307/TTr-SXD ngày 12 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040 với nội dung như sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040.
- 2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Sở Xây dựng.

3. Phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch

3.1. Vị trí, địa điểm

Khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ có vị trí, ranh giới địa lý được xác định, như sau:

- Phía Bắc giáp xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu;
- Phía Nam giáp xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ;
- Phía Đông giáp xã Lóng Luông, xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ;
- Phía Tây giáp xã Đông Sang, huyện Mộc Châu.

3.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích: khoảng 7.440,4 ha;
- Quy mô dân số: khoảng 15.000 người.

4. Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2040.

5. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030, Quy hoạch vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng trung tâm của huyện Vân Hồ dần trở thành một đô thị hiện đại, là một trong những động lực tăng trưởng kinh tế của vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận, hoàn thiện nâng cao các tiêu chí, chỉ tiêu, phấn đấu trung tâm huyện Vân Hồ đạt đô thị loại V theo đúng chương trình, kế hoạch nâng loại đô thị và tiến tới thành lập thị trấn Vân Hồ.

- Hình thành đô thị Vân Hồ xứng tầm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Vân Hồ, với các khu chức năng phù hợp với tính chất của một đô thị trung tâm huyện.

- Từng bước xây dựng đô thị Vân Hồ trở thành đô thị phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, có môi trường sống chất lượng cao, bảo vệ tốt môi trường tự nhiên và giữ cân bằng sinh thái với các vùng lân cận.

- Làm căn cứ lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thu hút các dự án đầu tư, là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng đảm bảo quy định của pháp luật.

6. Tính chất, chức năng, phân khu

6.1. Tính chất

- Là trung tâm hành chính - chính trị của huyện Vân Hồ;

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục cấp huyện;
- Là đô thị du lịch phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí trong tổng thể Khu du lịch quốc gia Mộc Châu;
- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

6.2. Chức năng

Trên cơ sở tận dụng những lợi thế về giao thông, cảnh quan và hiện trạng sử dụng đất, nghiên cứu lập quy hoạch với một số chức năng như sau:

- Khu trung tâm hành chính - chính trị;
- Khu trung tâm văn hóa - thể dục thể thao;
- Khu dịch vụ, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí;
- Khu, điểm du lịch cộng đồng;
- Khu trung tâm y tế, giáo dục;
- Khu giải trí, mặt nước, công viên cây xanh, quảng trường;
- Khu ở dân cư hiện hữu và ở mới;
- Khu an ninh quốc phòng;
- Khu trung tâm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp;
- Khu vực dự trữ phát triển.

6.3. Phân khu

- Phân khu trung tâm: Khu trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, xã hội;
- Phân khu phía Bắc: Trung tâm du lịch trọng điểm và vùng đệm thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu;
- Phân khu phía Nam: Khu kinh tế, du lịch cộng đồng, vui chơi giải trí;
- Phân khu phía Tây: Khu dịch vụ du lịch sinh thái gắn với bảo tồn đa dạng thiên nhiên;
- Phân khu phía Đông: Khu kinh tế, dịch vụ, du lịch, thương mại vùng đệm.

(Trong quá trình lập đồ án quy hoạch có thể nghiên cứu điều chỉnh tính chất, chức năng, phân khu của khu vực lập quy hoạch để đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn).

7. Yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

7.1. Phân tích đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch và xác định quy mô phát triển

- Thu thập số liệu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, dân số, hiện trạng

sử dụng đất, các hiện tượng về thiên tai, không gian đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo các đồ án đã được phê duyệt.
- Nhận xét, đánh giá tổng hợp, xác định vấn đề cơ bản cần giải quyết.
- Xác định mục tiêu, tính chất động lực phát triển đô thị, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với đô thị và từng khu vực chức năng.

- Dự báo tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, phát triển đô thị, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho đô thị và các khu chức năng.

- Lập các phương án cơ cấu quy hoạch, xác định luận cứ để lựa chọn phương án tối ưu.

- Phân tích nguyên tắc tổ chức không gian và phân khu chức năng, mối liên hệ giữa khu vực nghiên cứu lập quy hoạch và các khu vực khác ngoài phạm vi lập quy hoạch.

7.2. Định hướng phát triển không gian đô thị

Trên cơ sở kế thừa các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các chức năng đô thị, phát triển không gian đô thị Vân Hồ theo các hướng như sau:

- Hướng phía Bắc: Phát triển dọc trục Đường tỉnh 101 đi trung tâm xã Chiềng Khoa, phát triển vùng công nghiệp, nông nghiệp tập trung và gắn kết với 08 xã phía Bắc.

- Hướng phía Nam: Phát triển theo dọc trục Quốc lộ 6 theo hướng đi xã Lóng Luông và hướng đi huyện Mộc Châu, phát triển các khu dân cư gắn với kinh doanh, dịch vụ, du lịch sinh thái và trồng chè.

- Hướng phía Tây: Phát triển theo dọc trục Đường tỉnh 101A về phía huyện Mộc Châu, gắn kết trung tâm huyện Vân Hồ với Trung tâm du lịch trọng điểm thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, Quốc lộ 43 và cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu để phát triển công nông nghiệp, dịch vụ du lịch và thương mại.

- Hướng phía Đông: Phát triển theo dọc trục Đường tỉnh 101A về phía xã Lóng Luông, xã Chiềng Yên, mở rộng dân cư tại bản Hang Trùng 2, phát triển rau, hoa chất lượng cao, trồng cây, trồng rừng, gắn kết với khu du lịch cộng đồng.

7.3. Quy hoạch sử dụng đất

- Nghiên cứu định hướng sử dụng đất, tính toán sắp xếp tính kết nối vùng, khu vực đảm bảo kế thừa và phát triển hài hòa với các quy hoạch ngành, lĩnh vực và các khu vực xung quanh, thống nhất với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở phù hợp với định hướng phân khu chức năng theo nguyên tắc khai thác tiềm năng quỹ đất, tận dụng cảnh quan, thuận lợi cho đầu tư xây dựng và phân kỳ đầu tư.

- Xác định ranh giới các khu vực trong phạm vi lập quy hoạch theo tính chất và chức năng sử dụng đất.

- Xác định các chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất (diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng, chỉ giới xây dựng công trình), xác định quy mô và chỉ tiêu sử dụng đất các công trình ngầm.

- Dự kiến cân bằng sử dụng đất và phân khu chức năng theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

7.4. Thiết kế đô thị

- Xác định không gian kiến trúc trong đô thị. Định hướng về cảnh quan đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.

- Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường.

- Tổ chức không gian cây xanh mặt nước.

7.5. Chỉ tiêu quy hoạch chính

a. Chỉ tiêu đất ở, hạ tầng xã hội

- Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị: $45-55 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị theo Bảng 2.3 QCVN 01:2021/BXD; đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở theo Bảng 2.4 QCVN 01:2021/BXD;

- Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$; đất cây xanh sử dụng công cộng ngoài đơn vị ở $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất giao thông $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.

b. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông: Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường phân khu vực/ đất xây dựng đô thị $\geq 18\%$.

- Cấp nước:

- + Cấp nước sinh hoạt: $\geq 80 \text{ lít/người/ngày đêm}$.

- + Cấp nước công cộng, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt.

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: Thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$ tỷ lệ cấp nước.

- Cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: ≥ 330 W/người;

+ Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng dịch vụ: 35% phụ tải điện sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,8 kg/người/ngày.

(Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính có thể nghiên cứu điều chỉnh, xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng, các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành).

8. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

- Xác định các giải pháp thiết kế, kỹ thuật của hệ thống giao thông, tuân thủ theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và quy hoạch vùng liên huyện.

- Định hướng và tổ chức hệ thống giao thông, phân loại và phân cấp các tuyến đường đối ngoại và nội bộ.

- Thiết kế mạng lưới, quy mô, cấp hạng các tuyến đường và các công trình khác như: bến xe, bãi đỗ, quảng trường, cầu đường bộ...

- Đề xuất nội dung và biện pháp thực hiện qua từng giai đoạn.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, tính toán cao độ xây dựng các khu vực trong đô thị, đề xuất chuẩn bị kỹ thuật, tính toán khối lượng đào, đắp. Nghiên cứu giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai (lũ, bão...), biến đổi khí hậu.

- Xác định các lưu vực thoát nước chính, hệ thống thoát nước mưa, các điểm đầu nối và các công trình dự kiến xây dựng (xem xét chức năng điều hòa tiêu thoát nước theo các giai đoạn) trong ranh giới quy hoạch.

8.3. Cấp nước

- Dự báo nhu cầu sử dụng nước.

- Xác định các giải pháp cấp nước, gồm: Nguồn nước, vị trí quy mô công trình đầu mối và kiến nghị nâng cấp, bổ sung hệ thống cấp nước.

- Thiết kế mạng đường ống cấp nước từ công trình đầu mối về từng cụm công trình, quy hoạch hệ thống mạng lưới cấp nước, phân phối, cứu hỏa.

8.4. Cấp điện, chiếu sáng

- Đề xuất phương án cấp điện, nguồn điện, lưới điện trung thế, hạ thế, trạm

biến áp phân phối, nghiên cứu các giải pháp chiếu sáng công cộng.

- Tính toán, tổng hợp nhu cầu cấp điện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn cho khu vực quy hoạch, đánh giá tổng quan về nguồn lưới điện hiện tại đảm bảo ổn định cấp điện và đề xuất phương án cấp điện phù hợp. Xem xét nâng cấp, cải tạo di dời và xây dựng mới hệ thống cấp điện, bao gồm: Hệ thống đường dây, cáp điện ngầm, tuynel kỹ thuật, trạm biến áp, mạng lưới chiếu sáng... Đề xuất tiến độ thực hiện đảm bảo đồng bộ theo từng giai đoạn.

8.5. Thông tin liên lạc

- Tính toán nhu cầu về thông tin liên lạc của đô thị.
- Xác định mạng chuyển mạch, mạng dịch vụ viễn thông, mạng ngoại vi và hệ thống truyền dẫn.
- Định hướng xây dựng, phát triển bưu chính, phát thanh, truyền hình tại khu vực quy hoạch.

8.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn.
- Đề xuất thiết kế mạng lưới thoát nước thải theo mô hình thoát nước riêng, xây dựng phương án quy hoạch cho hệ thống cống, trạm bơm, trạm xử lý. Nghiên cứu giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn.
- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.
- Nghiên cứu, đề xuất nghĩa trang tập trung của huyện Vân Hồ, khoanh vùng đóng cửa các nghĩa địa không đảm bảo VSMT.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

Đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch chung đô thị và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ về việc thẩm định phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng.

10. Kinh tế đô thị

- Tổng hợp các chi phí đầu tư, đưa ra giải pháp thực hiện và hiệu quả đạt được về mặt kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.
- Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch.
- Đề xuất kiến nghị nguồn lực thực hiện.

11. Thành phần hồ sơ bao gồm

11.1. Thành phần hồ sơ bản vẽ

Số lượng 10 bộ hồ sơ bản vẽ quy hoạch, gồm:

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH-01	Thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	QH-02	1/10.000
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp đất xây dựng	QH-03	1/10.000
4	Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị	QH-04	1/10.000
5	Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị	QH-05	1/10.000
6	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo giai đoạn quy hoạch	QH-06	1/10.000
7	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:	QH-07	1/10.000
7.1	Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	QH-07-1	1/10.000
7.2	Bản đồ quy hoạch san nền & thoát nước mưa	QH-07-2	1/10.000
7.3	Bản đồ quy hoạch cấp nước	QH-07-3	1/10.000
7.4	Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng công cộng	QH-07-4	1/10.000
7.5	Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc	QH-07-5	1/10.000
7.6	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải & VSMT	QH-07-6	1/10.000
7.7	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	QH-07-7	1/10.000
8	Các bản vẽ thiết kế đô thị	QH-12	Thích hợp
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	QH-13	Thích hợp

11.2. Phần văn bản

- Thuyết minh tổng hợp; thuyết minh tóm tắt.
- Dự thảo Tờ trình phê duyệt quy hoạch.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quy định quản lý quy hoạch.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

11.3. Các yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;
- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu đúng tỷ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu tổ chức hội nghị, quy trình lấy ý kiến;
- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ (10 bộ hồ sơ màu, trong đó trình xin ý kiến, thẩm định 03 bộ và giao nộp sản phẩm 07 bộ);
- 10 đĩa CD ghi toàn bộ file bản vẽ, thuyết minh, file PDF scan bản vẽ và các văn bản liên quan.

11.4. Yêu cầu về hồ sơ khảo sát địa hình

a. Hồ sơ trình duyệt thẩm định:

- Phương án kỹ thuật khảo sát đo vẽ địa hình.
- Báo cáo kỹ thuật khảo sát đo vẽ địa hình.
- Bản đồ khảo sát đo vẽ địa hình tỷ lệ 1/10.000.

b. Sản phẩm giao nộp:

- Phương án kỹ thuật, kết quả khảo sát: 07 bộ.
- Bản đồ khảo sát, báo cáo kỹ thuật đo vẽ, đĩa CD: 07 bộ.

12. Dự toán, nguồn vốn và thời gian lập quy hoạch

12.1. Dự toán

Giá trị dự toán lập quy hoạch: **3.172.250.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, một trăm bảy hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó:

- | | |
|--|---------------------|
| - Chi phí lập đồ án quy hoạch: | 767.486.000 đồng; |
| - Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: | 12.049.000 đồng; |
| - Chi phí khảo sát: | 1.582.048.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch: | 2.190.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: | 58.677.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch: | 60.708.000 đồng; |

- Chi phí công bố quy hoạch:	5.000.000 đồng;
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	5.000.000 đồng;
- Chi phí cắm mốc quy hoạch (<i>tạm tính</i>):	330.000.000 đồng;
- Chi phí biển pa-nô quy hoạch (<i>tạm tính</i>):	143.000.0000 đồng;
- Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT:	16.047.000 đồng;
- Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:	2.349.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát:	47.461.000 đồng;
- Chi phí giám sát khảo sát:	63.487.000 đồng;
- Chi phí lập đồ án quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS):	76.748.000 đồng.

12.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

12.3. Thời gian lập đồ án quy hoạch: Năm 2022 - 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Xây dựng (chủ đầu tư): Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ, tỉnh Sơn La đến năm 2040, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính: Tham mưu trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đảm bảo theo tiến độ lập quy hoạch và theo quy định của Luật ngân sách.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Vân Hồ và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b).25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh